TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 59/2026/DS-ST Ngày: 17/7/2026 V/v: *"Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Tú.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2025/TLST – DS ngày 10/10/2025; về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên Tòa số 28/2026/QĐST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên Tòa số 37/2026/QĐST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 48/2026/QĐST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn S, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

2. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bị đơn: Anh Lê Long D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn S, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Kim T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn S, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Lê Thị Hồng H; nơi cư trú: Thôn S, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên Tòa có mặt anh P, anh B và anh T. Vắng mặt anh D và chị H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Huỳnh Ngọc P và người đại diện theo ủy quyền – anh Nguyễn Thái B đều trình bày:

Anh Huỳnh Ngọc P và anh Lê Long D là bạn bè, quen biết nhau do ở cùng địa phương. Năm 2023, anh Lê Long D có vay của anh Phạm Kim T số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn. Khi đến hạn trả mà anh D không có tiền thanh toán nên anh D bàn bạc, nhờ anh P đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T thay cho anh D. Ngày 06/10/2023, anh D, anh P và anh T thống nhất anh P thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ thay anh D, anh D không còn nợ anh T; nội dung này được cả ba bên thống nhất lập thành Biên bản thỏa thuận cùng ngày 06/10/2023, cả ba người cùng ký tên. Sau đó, anh P đã trả số tiền 100.000.000 đồng qua cho anh T nhưng anh D chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền lại cho nguyên đơn.

Do trước đây, anh Lê Long D có thỏa thuận chuyển nhượng cho anh Huỳnh Ngọc P diện tích khoảng 10m ngang, dài 23m ở Thôn A, xã S, tỉnh Lâm Đồng. Khi anh P đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh D thì anh D đồng ý chuyển nhượng thêm cho anh P 2m ngang đất tiếp giáp với 10m ngang đã mua bán trước đó, để cấn trừ vào số tiền 100.000.000 đồng anh P đã bỏ ra trả nợ thay cho anh D; việc mua bán diện tích đất này để trừ vào tiền trả nợ thay thì hai bên có lập Giấy sang nhượng đất viết tay ngày 23/7/2024. Tuy đã thống nhất như vậy nhưng sau đó, anh D chỉ giao cho anh P 10m ngang chứ không giao đủ 12m ngang theo thỏa thuận. Do vậy số tiền 100.000.000 đồng anh D vẫn còn thiếu anh P chứ chưa thanh toán nên anh P khởi kiện, yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn - anh Lê Long D trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên anh Lê Long D có vay mượn của anh Huỳnh Ngọc P số tiền 350.000.000 đồng và anh Phạm Kim T số tiền 250.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán, anh D không có tiền nên mới đồng ý chuyển nhượng cho anh P và anh T 10m ngang đất; sau khi anh D viết giấy chuyển nhượng đất cho anh P thì anh P viết giấy chịu trách nhiệm trả số tiền 250.000.000 đồng anh D thiếu anh T thay cho anh D. Từ đó cho đến nay anh D không vay mượn tiền gì thêm của anh P cũng như anh T. Do vậy việc anh P khởi kiện yêu cầu anh D trả số tiền 100.000.000 đồng thì anh D không đồng ý.

[3].Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[3.1] *Anh Phạm Kim T trình bày:* Anh Phạm Kim T là bạn, quen biết với anh Huỳnh Ngọc P và Lê Long D. Anh Thành công N anh D có thiếu anh T số tiền 100.000.000 đồng; sau đó anh D, anh P và anh T thống nhất chuyển nghĩa vụ trả số tiền nợ này qua cho anh P, anh P đã thanh toán đủ cho anh T số tiền 100.000.000 đồng anh D nợ anh T. Như vậy đến nay anh D chưa trả số tiền trên cho anh P thì phải thực hiện nghĩa vụ trả là đúng thực tế. Trong vụ án thì anh D bị anh P kiện chứ không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh T nữa nên anh T không có yêu cầu độc lập gì.

[3.2] Chị Lê Thị Hồng H: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án xác định chị Lê Thị Hồng H là vợ của anh Lê Long D. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của chị H.

[4] Người làm chứng:

[4.1] Ông Võ Tấn M trình bày: Ông Võ Tấn M không có quan hệ bà con huyết thống gì với các đương sự, ông M chỉ biết các bên do ở cùng địa phương, từ trước đến nay không xảy ra mâu thuẫn gì với nhau. Thời điểm tháng 7/2024, ông M là xóm trưởng xóm D, thôn A, xã S; ngày 23/7/2024, anh Lê Long D có thỏa thuận chuyển nhượng cho anh Huỳnh Ngọc P quyền sử dụng 2m ngang đất của anh D tại thôn A, xã S và có nhờ ông M xác nhận vào giấy sang nhượng với tư cách là người chứng kiến. Ông M công nhận nội dung chuyển nhượng giữa anh D với anh P là đúng thực tế, chữ ký xác nhận trong giấy là của ông M, còn việc hai bên thực hiện nội dung thỏa thuận với nhau sau đó như thế nào thì ông M không rõ.

[4.2] Ông Võ Văn P1 trình bày: Ông Võ Văn P1 là chủ sử dụng đất liền kề với thửa đất của anh Lê Long D. Ngày 23/7/2024, ông P1 có chứng kiến và xác nhận việc anh D đồng ý sang nhượng cho anh Huỳnh Ngọc P diện tích 2m chiều ngang, dài khoảng 57m. Việc thỏa thuận sang nhượng được hai bên lập thành giấy viết tay và nhờ ông P1 ký xác nhận trong giấy với tư cách là người làm chứng; còn việc phát sinh về sau giữa hai bên thì ông P1 không rõ.

[5] Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, giao nộp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân, bản gốc Giấy sang nhượng, Biên bản thỏa thuận, giấy ủy quyền, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và bản tự khai.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: Bản sao căn cước công dân và bản tự khai.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của anh Lê Long D, anh Phạm Kim T, ông Võ Tấn M và ông Võ Văn P1.

[6]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Bị đơn – anh Lê Long D công nhận có vay tiền của anh Phạm Kim T và anh Huỳnh Ngọc P là người thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh T.

[7]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[8]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

[8.1] Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán

thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8.2] Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

[8.3] Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8.4] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lê Long D phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Ngọc P số tiền 100.000.000 đồng và buộc anh D nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bị đơn – anh Lê Long D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị Hồng H và người làm chứng đều vắng mặt. Trong đó, anh D và chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Những người làm chứng cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của những người làm chứng. Tại phiên Tòa các đương sự và đại diện Viện kiểm sát đều không yêu cầu hoãn phiên Tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn. Bị đơn không đồng ý nhưng không có yêu cầu phản tố; ngoài ra, các đương sự trong vụ án không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 274, 280 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự"*.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nơi cư trú tại xã S, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân khu vực 16 - Lâm Đồng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét về thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ theo Biên bản thỏa thuận ngày 06/10/2023

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đều công nhận anh Lê Long D có vay và thiếu anh Phạm Kim T số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên anh D không có điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T nên ngày 06/10/2023, anh Lê Long D, anh Phạm Kim T và anh Huỳnh Ngọc P đã thống nhất chuyển nghĩa vụ trả nợ của anh D sang anh P; nội dung chuyển nghĩa vụ trả nợ được các bên lập thành "Biên bản thỏa thuận" cùng ngày. Theo đó các bên đương sự thống nhất nội dung anh P sẽ thực hiện nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 100.000.000 đồng thay cho anh D, các bên đương sự thống nhất ký tên vào biên bản thỏa thuận. Sau đó anh P đã thực hiện việc trả cho anh T số tiền 100.000.000 đồng như thỏa thuận, nội dung này được anh T xác nhận. Như vậy, thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa các đương sự là tự nguyện, bên nhận chuyển giao nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nên thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự.

[3.2] Xét về Giấy sang nhượng đất lập ngày 23/7/2024 giữa anh Huỳnh Ngọc P với anh Lê Long D

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đều xác định sau khi anh Huỳnh Ngọc P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Phạm Kim T thay cho anh Lê Long D thì anh D thống nhất chuyển nhượng cho anh P diện tích 2m ngang, dài khoảng 57m để trừ vào số tiền 100.000.000 đồng mà anh P đã trả nợ thay cho anh D. Nội dung thỏa thuận được các bên lập thành "Giấy sang nhượng" ngày 23/7/2024, có chữ ký của hai bên và xác nhận của người làm chứng – ông Võ Tấn M là đại diện Ban điều hành T1 và ông Võ Văn P1 là người sử dụng đất liền kề. Nội dung này được ông M và ông P1 xác nhận là đúng thực tế.

Như vậy thực tế cho thấy giữa anh Huỳnh Ngọc P và anh Lê Long D đã tự nguyện thỏa thuận nghĩa vụ trả tiền sẽ được thay thế bằng nghĩa vụ thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất có giá trị tương ứng với số tiền mà anh P đã trả nợ thay cho anh D. Tuy nhiên, sau khi lập giấy sang nhượng đất thì anh Lê Long D không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cấn trừ tiền và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho anh P, bởi vì anh D cho rằng không vay tiền của anh P mà chỉ thiếu tiền của anh Phạm Kim T. Do đó, nghĩa vụ dân sự của anh D đối với anh P chưa chấm dứt theo một trong các quy định tại Điều 372 Bộ luật dân sự.

[3.3] Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh Lê Long D chưa thực hiện nghĩa vụ dân sự trả tiền cho anh Huỳnh Ngọc P là vi phạm quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự nên cần buộc anh D phải thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho anh P là phù hợp. Tại phiên Tòa, anh P xác định các nghĩa vụ dân sự phát sinh là giữa anh P, anh D với anh T, không liên quan đến nghĩa vụ của chị Lê Thị

Hồng H – vợ anh D; anh P cũng chỉ yêu cầu anh D có nghĩa vụ trả tiền chứ không yêu cầu chị H liên đới nghĩa vụ với anh D nên Hội đồng xét xử chỉ buộc anh D thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh P chứ không buộc chị H có nghĩa vụ liên đới là phù hợp.

[4] Về các vấn đề khác: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập với các đương sự khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc P được chấp nhận nên cần buộc anh Lê Long D phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lê Long D phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Ngọc P số tiền 100.000.000 đồng và buộc anh D nộp án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

1. Khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 203, 227, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Các Điều 280, 370 và 372 Bộ luật dân sự năm 2015;

3. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Huỳnh Ngọc P.

Buộc anh Lê Long D phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Ngọc P số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc anh Lê Long D phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho anh Huỳnh Ngọc P 2.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004737, ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/7/2026.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa đều được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND KV 16 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ